TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN BẮC** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20/4/2023
v/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hoàng Nhiên
2. Ông Nguyễn Thanh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sáu - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 587/2022/TLST – DS ngày 30 tháng 11 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 20/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1970

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị T1 tự nguyện tìm hiểu, yêu T1 nhau và đăng ký kết hôn ngày 20/8/1997 tại Ủy ban nhân dân xã Hàm Phú. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2014, ông đi làm xa nên vợ chồng dần xa cách. Vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ năm 2017, mỗi người đều có cuộc sống riêng, mạnh ai náy sống, không còn quan tâm nhau và cũng không liên lạc để hàn gắn tình cảm. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị T1.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Trần Thị Ngân K1, sinh năm 1997, Trần H, sinh năm 2000, Trần K, sinh năm 2002. Hiện nay các con đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T1: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà T1 đều vắng mặt không có lý do. Không có văn bản thể hiện ý kiến của bà T1 về yêu cầu khởi kiện của ông T. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, ông Trần Văn T vắng mặt do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị T1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện hàm Thuận Bắc phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Nguyên đơn ông Trần Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị T1. Bị đơn có địa chỉ và sinh sống ở Thôn Phú Hòa, xã Hàm Trí, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định của pháp luật tại Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị T1 tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn ngày 20/8/1997 tại Ủy ban nhân dân xã Hàm

Phú, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận nên quan hệ hôn nhân của hai đương sự là hợp pháp theo quy định tại Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Theo ông T, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014, do ông đi làm xa nhà nên vợ chồng dần xa cách. Vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ năm 2017, mỗi người đều có cuộc sống riêng, mạnh ai náy sống, không còn quan tâm nhau và cũng không liên lạc để hàn gắn tình cảm. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhằm tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với nhau nhưng bà T1 vắng mặt chứng tỏ bà T1 không có thiện chí muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với ông T.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu T1, tôn trọng, chung thủy, quan tâm, chăm sóc nhau. Nhưng giữa ông T và bà T1 không thực hiện được nghĩa vụ vợ chồng với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho ông T ly hôn với bà T1 là phù hợp với thực tế và đúng qui định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng ông T, bà T1 có 03 con chung là Trần Thị Ngân K1, sinh năm 1997, Trần H, sinh năm 2000, Trần K, sinh năm 2002. Hiện nay các con đã trưởng thành, có cuộc sống riêng, ông T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Ông T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bà T1 không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc đối với việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

– Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 70, Điều 143, Điều 144, Điều 145, Điều 146, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

– Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

– Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T:

Về hôn nhân: Ông Trần Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị T1.

Về án phí:

Ông Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0011244 ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Ông Trần Văn T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng;
- VKS nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc;
- Cơ quan THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Thu Thúy